

NỖI THƯƠNG MÌNH

(Trích *Truyện Kiều*)

(1 tiết)

NGUYỄN DU

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được thân phận đau đớn, tủi nhục, cô đơn của Kiều ở chốn lầu xanh và ý thức về nhân phẩm của nàng.

– Hiểu được nghệ thuật sử dụng ngôn từ của tác giả trong việc diễn tả tâm trạng nhân vật.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Đoạn trích *Nỗi thương mình* miêu tả tâm trạng và thái độ của Kiều khi buộc phải làm công việc tiếp khách ở nhà chứa của Tú Bà. Theo truyện của

Thanh Tâm Tài Nhân, Kiều sống trong lầu xanh lần thứ nhất khoảng ba năm. Ở *Truyện Kiều*, Nguyễn Du không nói rõ thời gian là bao lâu, nhưng với những từ ngữ *biết bao, đầy tháng, suốt đêm, đòi phen*,... tác giả đã tạo ra cảm giác về thời gian kéo dài triền miên.

2. Hơn ở đâu hết trong *Truyện Kiều*, tác giả sử dụng khá tập trung những cụm từ cân đối, tách xen kiểu *bướm lả ong lơ, bướm chán ong chường, dầy gió dạn sương*,... (6 lần trong số 20 câu) để thể hiện thành công cảnh ngộ và tâm trạng của Kiều.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân mở đầu

- Để giới thiệu vị trí đoạn trích, GV có thể dựa vào phần *Tiểu dẫn* trong SGK.
- Nêu khái quát mục tiêu bài học là yêu cầu HS phải nắm vững được nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.
- Kiểm tra việc chuẩn bị bài học ở nhà của HS. Gọi một số HS đọc đoạn trích, kiểm tra năng lực hiểu của HS đối với một số từ ngữ đã chú thích.

2. Phân tổ chức dạy học

Câu hỏi 1

Đoạn trích *Nỗi thương mình* có thể chia làm hai phần :

Phần 1 (từ câu 1 đến câu 10) : Cảnh sống ô nhục ở lầu xanh của Thuý Kiều và tâm trạng đau đớn, tủi nhục của nàng.

Phần 2 (từ câu 11 đến hết) : Thái độ thờ ơ của Kiều trước cảnh sắc, thú vui ở chốn lầu xanh thể hiện ý thức về nhân phẩm của nàng.

Câu hỏi 2

Cảnh sống ở lầu xanh và tâm trạng của Kiều

GV hướng dẫn HS tìm hiểu đoạn trích bằng các câu hỏi sau :

- Phần 1 của đoạn trích có thể chia làm hai đoạn nhỏ không ? (Gợi ý : bốn câu đầu tả cảnh sống của Kiều trong nhà chứa ; sáu câu tiếp nói về nỗi đau xót, tủi nhục của nàng).
- Trong bốn câu đầu đoạn trích, những từ ngữ nào được tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sống xô bồ, nhơ nhớp của thân phận người phụ nữ ở chốn lầu xanh ?

GV gợi ý cho HS : Sau các từ *Biết bao* (câu 1) là các từ ngữ : *bướm lá ong lơ lơi - Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm* ; sau *Dập dìu* (câu 3) là các từ ngữ *lá gió cành chim - Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh*.

– Hai câu 5 - 6 có nghĩa gì ? "Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh" là thời gian nào ? Hai chữ "giật mình" nói lên cảm xúc gì của nhân vật ?

Gợi ý : Khi tỉnh rượu và lúc tàn canh tỉnh dậy là lúc Kiều được sống với chính mình, lúc đó nàng mới giật mình xót xa về sự đổi thay thảm hại của thân phận mình.

– Các câu hỏi dồn dập từ câu 7 đến câu 10 nói lên cảm xúc gì của Kiều ?

Gợi ý : Sự thương tiếc thân mình bị vùi dập ("tan tác như hoa giữa đường") đối lập với cảnh "phong gấm rủ là" rất quý phái, sang trọng trước đây. Ở đây có nỗi đau thân phận, nỗi đau thay đổi giá trị con người.

Về thái độ của Kiều trước cuộc sống đó, GV nhấn mạnh : nàng không buông mình theo dòng chảy đục ngầu trong nhà chứa (câu 5 - 6) mà thấy thương thân, tiếc thân (câu 7 đến câu 10).

Câu hỏi 3

Thái độ thờ ơ của Kiều trước thú vui của khách

– Những cảnh đẹp nào được tác giả miêu tả trong chốn lầu xanh ?

Gợi ý : các cảnh *phong, hoa, tuyết, nguyệt* tượng trưng cho vẻ đẹp bốn mùa : hè : gió ; xuân : hoa ; đông : tuyết ; thu : nguyệt.

– Thái độ của Kiều trước những cảnh đẹp đó như thế nào ?

Gợi ý HS đọc câu thơ : "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu - Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".

– Về các thú vui ở lầu xanh, gợi ý HS chú ý đó là các thú vui *cầm, kì, thi, họa*. Và thái độ của Kiều : "Vui là vui gượng kẻo là - Ai tri âm đó mặn mà với ai ?" .

Chú ý cách kể của Nguyễn Du ở đoạn này rất mạch lạc, rõ ràng.

Câu hỏi 4

Những câu thơ thể hiện khái quát tâm sự và nhân cách của Kiều : 11 - 12, 15 - 16, 19 - 20.

Câu hỏi 5

Giá trị nghệ thuật của đoạn trích

– GV hỏi về các cụm từ đan xen kiểu "bướm lả ong lơi". Lưu ý HS : Nếu viết "Biết bao ong bướm lả lơi - Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm" thì vẫn không sai vắn. Vậy tại sao phải đan xen "bướm lả ong lơi" ? Cũng vậy, tại sao câu 9 có thể viết là "Mặt sao dày dạn gió sương" mà tác giả lại viết thành : "Mặt sao dày gió dạn sương" ? Các trường hợp đan xen ở đây có tác dụng nhấn mạnh về những hiện tượng thường xuyên lặp đi lặp lại, mặt khác làm cho ý nghĩa của ngôn từ mang tính chất ước lệ, nhất là khi thơ phải nói đến những hiện tượng như nhớp ở nhà chứa. Cách đan xen đó cũng làm cho lời thơ đăng đối, nhịp nhàng, ý vị.

– Hình thức điệp từ (phép sóng đôi) : *khi, lúc, khi sao..., giờ sao..., đòi phen,...* kết hợp với tiểu đối : *Khi tỉnh rượu / lúc tàn canh, phong gấm / rủ là, dày gió / dạn sương, bướm chán / ong chường,...* *Nửa rèm tuyết ngậm / bốn bề trăng thâu, nét vẽ / câu thơ, Cung cấm trong nguyệt / nước cờ dưới hoa.*

Trong đoạn trích, cách dùng điệp từ, tiểu đối của tác giả có giá trị biểu cảm đặc sắc. Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ điêu luyện ấy đã góp phần diễn tả tâm trạng nhân vật Thuý Kiều. Qua đoạn trích *Nỗi thương mình*, cùng với giá trị nội dung sâu sắc, nghệ thuật tài tình của Nguyễn Du đã khắc hoạ rõ nét tính cách của nàng Kiều tài hoa mà bạc mệnh, một người phụ nữ trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn ý thức về nhân phẩm của mình.

3. Phần củng cố

– Đoạn trích *Nỗi thương mình* thể hiện được sâu sắc cảm giác đau đớn, xót xa của Kiều trước sự thay bậc đổi ngôi, thay đổi thân phận, giá trị của mình. Đồng thời, đoạn thơ cũng thể hiện ý thức về nhân phẩm của Kiều.

– Đoạn văn sử dụng ngôn từ tài tình, có hiệu quả biểu đạt cao : điệp từ, cụm từ đan xen, lời nửa trực tiếp, hình thức đối.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Đoạn trích miêu tả nội tâm nhân vật Thuý Kiều trong thời gian phải nhấn nhục làm nghề tiếp khách ở chốn lầu xanh của Tú Bà. Tác giả trần thuật theo ngôi thứ ba với dạng lời nói nửa trực tiếp. Toàn bộ 20 câu đều là lời nửa trực tiếp. Nếu chuyển sang hình thức biểu đạt "nàng nghĩ rằng...", "nàng cảm thấy..." thì giữa tác giả và nhân vật có sự phân biệt rạch ròi. Khác với dạng lời nói trực tiếp, trong lời nửa trực tiếp khoảng cách giữa tác giả và nhân vật bị xoá bỏ, tiếng nói của nhân vật tham gia vào trần thuật và lời văn trở thành đa chủ thể (chủ thể người kể chuyện và

chủ thể nhân vật). Người kể và nhân vật hoà nhập làm một, thể hiện đúng tình cảm sâu xa của người kể đối với nhân vật. Như ở bốn câu đầu đoạn trích, vừa là lời trần thuật của tác giả về cảnh sống nhớp nhơ chốn lầu xanh, đồng thời cũng là tiếng thở dài não nuột của người phụ nữ buộc phải sống nơi đây. Tác giả rất xót thương nàng Kiều phải sống ở môi trường huỷ hoại nhân phẩm, nhưng qua đó cũng làm nổi bật ý thức của nàng về nhân phẩm của mình.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trần Đình Sử, *Đọc văn, học văn*, Sđd.
- Đặng Thanh Lê, *Giảng văn "Truyện Kiều"*, NXB Giáo dục, 1998.